

Số: /BC-BL

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Công khai trong hoạt động giáo dục của nhà trường Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học;

Căn cứ công văn số 2946/SGDDĐT – GDTrH ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở GD - ĐT Hà Nội về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp trung học phổ thông năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 07 /KH – BL ngày 27 tháng 8 năm 2024 của trường Phổ thông Vô thuật Bảo Long về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024 - 2025 và xét tình hình thực tế của nhà trường.

Trường PTVT Bảo Long thực hiện công tác công khai đầu năm học 2024 - 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường Phổ thông Vô thuật Bảo Long
- Địa chỉ :** Số 447 đê Thiên Đức, xã Thiên Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại: 0976128788
Website: <http://Liencapvtbaolong.edu.vn>
Email: c3baolong@hanoiedu.vn
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:** Tự thực
- Xứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục**

➤ **Xứ mệnh, tầm nhìn**

Trường PTVT Bảo Long cam kết tạo dựng một môi trường học tập năng động, sáng tạo và nhân văn, nơi học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức để trở thành công dân có trách nhiệm, tự tin và thành công trong tương lai.

Hướng tới trở thành một trong những trường THPT Ngoài công lập có chất lượng giáo dục tốt, phát triển toàn diện năng lực học sinh, tích hợp công nghệ trong giảng dạy và xây dựng một cộng đồng học tập tiên tiến, hội nhập với xu hướng giáo dục hiện đại.

➤ Mục tiêu giáo dục

- **Giáo dục toàn diện:** Đảm bảo học sinh có nền tảng kiến thức vững chắc, kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng tự học suốt đời.
- **Phát triển đạo đức và kỹ năng sống:** Xây dựng môi trường giáo dục dựa trên giá trị đạo đức, nhân cách, trách nhiệm xã hội và kỹ năng mềm.
- **Ứng dụng công nghệ:** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, học tập và quản lý nhà trường để nâng cao hiệu quả giáo dục.
- **Hợp tác và hội nhập:** Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước, tạo cơ hội giao lưu, học tập cho học sinh và giáo viên.
- **Nâng cao chất lượng giáo viên:** Không ngừng bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giỏi chuyên môn, có phương pháp sư phạm hiện đại, tận tâm với học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường phổ thông Võ thuật Bảo Long được thành lập theo Quyết định số 1805 ngày 03/10/2007 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Tây (nay là UBND TP Hà Nội). Ngày 10/5/2021 Công ty TNHH du lịch, giải trí và nghỉ dưỡng Bảo Sơn tiến hành chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Trường Phổ thông Võ thuật Bảo Long cho Công ty cổ phần Đào tạo chuyên sâu & phát triển kỹ năng Hà Nội theo Hợp đồng số 01/HDCN.

Từ năm 2007, sau thời gian hoạt động trường không ngừng phát triển, có thời điểm số lượng học sinh của trường lên tới gần 600 học sinh, đến năm 2012 do nội bộ nhà trường có sự tranh chấp chủ quyền, trường dừng hoạt động từ đó cho đến nay (2022). Trong nhiều năm qua, hệ thống giáo dục trường phổ thông ngoài công lập nói chung và Trường Phổ thông Võ thuật Bảo Long nói riêng đã đóng góp vai trò quan trọng trong sự nghiệp giáo dục của Đảng, Nhà nước. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, sự phát triển năng động của nền kinh tế, quá trình hội nhập và toàn cầu hóa, những yêu cầu của xã hội đặt ra cho các trường phổ thông nói riêng những cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi phải không ngừng đổi mới và toàn diện công tác giáo dục, đào tạo. Sau khi được chuyển nhượng và chuyển địa điểm về huyện Gia Lâm, Trường tiến hành xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất khang trang và thiết lập đội ngũ cán bộ, tập thể giáo viên gắn kết đồng lòng và sự quyết tâm cao độ. Trường Phổ thông Võ thuật Bảo Long đã và đang tìm cách từng bước vượt qua những khó khăn cản trở trên con đường phát triển của nhà trường.

6. Người đại diện pháp luật

Bà Nguyễn Thị Hoa – Phó Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: Trường PTVT Bảo Long, số 447 đê Thiên Đức, xã Thiên Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Số điện thoại: 0394379993

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập trường PTVT Bảo Long số 1805/QĐ-UBND ngày 03/10/2007
- Quyết định cấp phép hoạt động của trường số 829/QĐ-SGDDT ngày 06/6/2022.
- Quyết định số 1090/QĐ-SGDDT ngày 19/7/2022 về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường PTVT Bảo Long
- Quyết định số 737/QĐ-SGDDT ngày 11/05/2022 về việc công nhận Hiệu trưởng trường PTVT Bảo Long
- Quyết định số 721/QĐ-SGDDT ngày 24/04/2023 và Quyết định số 736/QĐ-SGDDT ngày 11/5/2022 về việc công nhận Phó Hiệu trưởng trường PTVT Bảo Long
- Quyết định số 04/QĐ-BL ngày 29/07/2022 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông Võ thuật Bảo Long

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025
- Kế hoạch giảng dạy các môn
- Kế hoạch kiểm tra nội bộ
- Kế hoạch các hoạt động ngoại khóa

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

❖ Cán bộ quản lý

- + Hiệu trưởng : 01- Trình độ: Tiến sĩ
- + Phó Hiệu trưởng: 02 – Trình độ: 1 thạc sĩ, 1 cử nhân

❖ Tổng số giáo viên: 27 giáo viên

- + Trình độ giáo viên đại học: 24 giáo viên ; trên đại học: 3 giáo viên
- + Giáo viên cơ hữu: 11 giáo viên, chiếm 40 %.
- + Giáo viên thỉnh giảng (có hợp đồng thỉnh giảng): 16 giáo viên, chiếm 60 %.
- Tổng số nhân viên: 6 (cơ hữu: 5 , chiếm 83 %), trong đó:
 - + Bộ phận hành chính:
 - + Nhân viên thiết bị thí nghiệm: 0
 - + Nhân viên thư viện: 0
 - + Nhân viên y tế: 1

+ Nhân viên kế toán: 2

+ Nhân viên văn thư: 0

TT	Giáo viên môn	Tổng số	Chia ra		Chia theo trình độ			
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	Cử nhân	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Khác
1	Ngữ văn	4	3	1	3	1		
2	Lịch sử	2		2	2			
3	Địa lý	3	0	3	3			
4	GDKT&PL	1		1	1			
5	Tiếng Anh	3	1	2	3			
6	Toán học	4	4	0	2	2		
7	Vật lý	2	0	2	2			
8	Hóa học	2	2	0	2			
9	Sinh học	0	0	0	0	0		
10	Công nghệ	0	0	0	0	0		
11	Tin học	2	0	2	2	0		
12	GD thể chất	2	1	1	2	0		
13	GDQP	2	0	2	1	0		
	Tổng cộng	27	11	16	22	03		
	Tỷ lệ %		40%	60%	88%	12%		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất: 7.370 m²

- Tổng diện tích sử dụng: 7.370 m²

- Tổng diện tích sân chơi: 1.500 m²

2. Phòng học văn hóa

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	12	12	0	0

3. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý	01	25m ²	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
2. Hóa học	01	25m ²	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
3. Sinh học	01	25m ²	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học	01	25m ²	x	
<i>Số máy vi tính</i>	20	x	x	
7. Phòng đa năng	01	50m ²	x	
8. Âm nhạc				
9. Mỹ thuật				
10. Thư viện	01	25m ²	x	
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>		x	x	
11. Nhà thể chất	01		x	
12. Phòng Y tế	01	25m ²	x	

Trang thiết bị phục vụ dạy học

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Không sử dụng được
1. Bàn ghế học sinh	288	X	
+ Loại 2 chỗ ngồi	288	X	
+ Loại 4 chỗ ngồi			
2. Bàn ghế giáo viên	12	X	
3. Bảng	12	X	
<i>T.đồ: Bảng thông minh</i>			
4. Máy vi tính	52	X	
<i>Chia ra:</i>	45	X	
+ Dùng cho HS			
+ Dùng cho Quản lý	07	X	
+ Kết nối Internet	100%	X	
5. Số máy in	04	X	
6. Máy chiếu Projecter	12	X	
7. Máy photocopy	00	X	
8. Điều hòa	28	X	

Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT

TT	Môn học	Đơn vị tính	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
1	Toán học	Bộ	02	02	02	
2	Vật lý	Bộ	02	02	02	
3	Hóa Học	Bộ	02	02	02	
4	Sinh học	Bộ	00	00	00	

5	Địa lý	Bộ	02	02	02	
6	Công nghệ	Bộ	0	0	0	
7	GDKT&PL	Bộ	02	02	02	
8	Lịch sử	Bộ	02	02	02	
9	Tin học	Bộ	02	02	02	
10	Văn học	Bộ	02	02	02	
11	Ngoại ngữ	Bộ	02	02	02	
12	GD quốc phòng	Bộ	02	02	01	
13	GD Thể chất	Bộ	02	02	02	
14	Thiết bị dùng chung	Cái	02	02	02	

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt

STT	Tên SGK lớp 10	Bộ sách lựa chọn
1	Ngữ văn 10 – tập 1	Cánh diều
2	Ngữ văn 10 – tập 2	Cánh diều
3	Toán 10 - Tập 1	Kết nối tri thức
4	Toán 10 - Tập 2	Kết nối tri thức
5	Tiếng Anh 10	Global Succes
6	Giáo dục quốc phòng 10	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10	Kết nối tri thức
8	Lịch sử 10	Cánh diều
9	Hóa học 10	Kết nối tri thức
10	Địa lý 10	Kết nối tri thức
11	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Kết nối tri thức
12	Vật lý 10	Kết nối tri thức
13	Chuyên đề Toán 10	Kết nối tri thức
14	Chuyên đề Vật lý 10	Kết nối tri thức
15	Chuyên đề Hóa 10	Kết nối tri thức
16	Tin học lớp 10	Kết nối tri thức

STT	Tên SGK lớp 11	Bộ sách lựa chọn
1	Ngữ văn 11 – tập 1	Cánh diều
2	Ngữ văn 11 – tập 2	Cánh diều
3	Toán 11 - Tập 1	Kết nối tri thức
4	Toán 11 - Tập 2	Kết nối tri thức
5	Tiếng Anh 11	Global Success
6	Giáo dục quốc phòng 11	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11	Kết nối tri thức
8	Lịch sử 11	Cánh diều
9	Hóa học 11	Kết nối tri thức
10	Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính	Kết nối tri thức
11	Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng	Kết nối tri thức
12	Địa lý 11	Kết nối tri thức
13	Vật lý 11	Kết nối tri thức
14	Chuyên đề Toán 11	Kết nối tri thức
15	Chuyên đề Vật lý 11	Kết nối tri thức
16	Chuyên đề Hóa 11	Kết nối tri thức
17	Tin học lớp 11	Kết nối tri thức

STT	Tên SGK lớp 12	Bộ sách lựa chọn
1	Ngữ văn 12 – tập 1	Cánh diều
2	Ngữ văn 12 – tập 2	Cánh diều
3	Toán 12, tập 1 (Kết nối)	Kết nối tri thức
4	Toán 12, tập 2 (Kết nối)	Kết nối tri thức
5	Tiếng Anh 12	Global Success
6	Giáo dục quốc phòng 12	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử 12	Cánh diều
8	Chuyên đề lịch sử 12	Cánh diều
9	Địa lý 12	Kết nối tri thức
10	Vật lý 12	Kết nối tri thức
11	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức
12	Chuyên đề GDKT&PL 12	Kết nối tri thức
13	Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối)	Kết nối tri thức
14	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối)	Kết nối tri thức
15	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối)	Kết nối tri thức

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học trước

XẾP LOẠI HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN KHỐI 10									
Số: 118 học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%
Học lực	21	17,8	69	58,47	28	23,73	0	0	0
Rèn luyện	108	91,53	8	6,78	02	1,69	0	0	0

XẾP LOẠI HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN KHỐI 11									
Số: 39 học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%
Học lực	6	15	22	55	12	30	0	0	0
Rèn luyện	30	75	10	25	0	0	0	0	0

Kết quả của thi học sinh giỏi

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Kết quả thi
1	Nguyễn Thị Huệ	10D1	Lịch sử	Giải ba
2	Vũ Thị Yến Linh	10D1	Lịch sử	Giải ba
3	Hoàng Thị Quỳnh Trang	10D2	Lịch sử	Giải KK
4	Đoàn Ngọc Hà	10D1	Địa lý	Giải KK

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Điều 5: Thu, chi tài chính

Tình hình tài chính của cơ sở trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có các khoản thu, chi như sau:

- Công tác thu

- + Tổng thu học phí: 2.164.600.000 VND.
- + Tổng các khoản thu khác của trường: 1.349.200.000 VND.
- + Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1 tháng

Năm học	Học phí lớp 10 (VND)	Học phí lớp 11 (VND)	Học phí lớp 12 (VND)
2024 - 2025	900.000	1.000.000	1.100.000
2025 - 2026	1.500.000	1.650.000	1.800.000
2026 - 2027	1.500.000	1.650.000	1.800.000
2027 - 2028	1.500.000	1.650.000	1.800.000

- Việc công khai mức thu học phí các năm: Nhà trường công khai các khoản thu học phí ngay từ đầu năm học và các đợt tuyển sinh trên website và các trang thông tin.

- Công tác chi

Tổng chi: 3.049.972.597 VND, trong đó:

- + Chi trả lương và các khoản khác theo lương: 2.130.908.500 VND; Chiếm tỷ lệ 69,9%.
- + Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện: 107.887.860 VND; Chiếm tỷ lệ 3,5%.
- + Chi dầu tư cơ sở vật chất : 434.043.200 VND, Chiếm tỷ lệ 14,2%.
- + Chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động: 141.740.212 VND; Chiếm tỷ lệ 4,7%.
- + Chi khác : 235.392.825 VND; Chiếm tỷ lệ 7,7%.

Trường Phổ thông Võ thuật Bảo Long công khai trong trường học đầu năm học 2024-2025.

Nơi nhận

- Thông báo;
- Công khai trên website;
- Lưu VT.

TM. BAN GIÁM HIỆU

PHỔ THÔNG TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hoa